

Số: **19** /2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày **02** tháng **6** năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Thực hiện điểm c, khoản 5, Điều 22 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 11/5/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô;

Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết Quy định trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp trên địa bàn Thành phố thực hiện quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 22 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Báo cáo thẩm tra số 103/BC-BĐT ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Ban đô thị; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết Quy định trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp trên địa bàn Thành phố thực hiện quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 22 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết về các trường hợp áp dụng, thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện dự án, công trình khẩn cấp và ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp sử dụng vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định điểm c, khoản 5, Điều 22 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thuộc địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng công trình khẩn cấp trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Bảo đảm áp dụng đúng đối tượng, đúng mục đích, phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và pháp luật có liên quan.

2. Việc tổ chức triển khai phải bảo đảm công khai, minh bạch, khả thi, phòng chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí, tiêu cực và không làm phát sinh phức tạp về an ninh, trật tự.

3. Việc quyết định đầu tư khẩn cấp, ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp phải dựa trên tính cấp thiết, cấp bách, bắt buộc phải triển khai ngay nhằm ngăn chặn nguy cơ sập đổ, hư hỏng kết cấu hạ tầng công trình, tránh gây hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe người dân và ổn định an sinh xã hội, đảm bảo sự phát triển của Thủ đô.

4. Các dự án, công trình khẩn cấp phải đảm bảo hiệu quả xã hội, giải quyết toàn bộ hoặc một phần vấn đề cấp bách; thời gian thực hiện phải nhanh hơn so với việc thực hiện đầu tư theo quy trình thông thường.

5. Bảo đảm hài hòa lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp nhằm đảm bảo tính hiệu quả, hiệu năng của các dự án, công trình cũng như tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình triển khai.

6. Việc quyết định thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp phải đảm bảo khả năng cân đối nguồn vốn, đúng mục đích, đúng đối tượng, không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Chương II

TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH THỰC HIỆN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KHẨN CẤP, LỆNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHẨN CẤP

Điều 4. Trường hợp áp dụng thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp

1. Các dự án được quy định tại Khoản 15 Điều 4 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15; Điều 70 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Điều 12 Nghị định 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về việc công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai xảy ra thuộc địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Các dự án, công trình khẩn cấp, Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp nhằm giải quyết ngay các sự cố cấp bách, đe dọa đến đời sống dân sinh, an toàn sức khỏe người dân, sự phát triển của Thủ đô thuộc 05 điểm nghẽn của Thành phố, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư mới hoặc cải tạo công trình để xử lý điểm nghẽn về ứng ngập: sông, hồ, kênh, mương, trạm bơm tiêu, hệ thống thoát nước.

b) Các dự án đầu tư mới hoặc cải tạo công trình để xử lý điểm nghẽn về trật tự đô thị: đầu tư xây dựng điểm đỗ phương tiện, bãi đỗ xe thông minh, bãi đỗ xe ngầm; Lắp đặt hệ thống camera AI.

c) Các dự án đầu tư mới hoặc cải tạo công trình để xử lý điểm nghẽn về ùn tắc giao thông: dự án đầu tư, mở rộng hệ thống giao thông công cộng; dự án tổ chức giao thông; dự án hệ thống camera giám sát; dự án giải quyết điểm hay xảy ra tai nạn giao thông và điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội .

d) Các dự án đầu tư mới hoặc cải tạo công trình để xử lý điểm nghẽn về ô nhiễm môi trường: Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải; đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt; dự án phục hồi, làm sạch hệ thống sông nội đô; đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, bùn thải; dự án triển khai đầu tư mạng lưới quan trắc môi trường.

e) Các dự án đầu tư mới hoặc cải tạo công trình để xử lý điểm nghẽn về an toàn thực phẩm: Dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống kiểm nghiệm, giám sát, cảnh báo nguy cơ an toàn thực phẩm; dự án truy xuất nguồn gốc, ứng dụng công nghệ số trong quản lý an toàn thực phẩm; dự án xây dựng, cải tạo hạ tầng phục vụ kiểm soát, đảm bảo an toàn thực phẩm.

3. Các dự án, công trình khác cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ và Thường trực Thành ủy.

4. Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này là cơ sở để xem xét, lựa chọn thực hiện đầu tư khẩn cấp hoặc ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp, không có giá trị áp dụng cho mọi trường hợp. Đơn vị đề xuất và người có thẩm quyền quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp phải căn cứ vào tính chất cấp bách, tình huống khẩn cấp cụ thể để ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp

1. Đối với các dự án đầu tư sử dụng ngân sách và dự án sử dụng một phần vốn ngân sách: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp thuộc cấp mình quản lý.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn khác: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có thẩm quyền quyết định việc thực hiện đầu tư khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

3. Đối với các dự án thuộc trường hợp phải xin ý kiến của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ và Thường trực Thành ủy theo quy chế làm việc của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố phải có văn bản xin ý kiến trước khi quyết định việc thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, quyết định việc xây dựng công trình khẩn cấp.

4. Đối với các dự án thuộc trường hợp phải xin ý kiến của Ban chấp hành Đảng bộ xã, phường, Ban thường vụ, Thường trực Đảng ủy xã, phường theo quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ xã, phường, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản xin ý kiến trước khi quyết định việc thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, quyết định việc xây dựng công trình khẩn cấp.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm đánh giá sự cần thiết, tính cấp bách của các dự án thuộc trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị quyết này để quyết định việc thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN DỰ ÁN CÔNG TRÌNH KHẨN CẤP, LỆNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHẨN CẤP

Điều 6. Lập đề xuất, ban hành quyết định thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp

1. Lập đề xuất:

a) Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và dự án sử dụng một phần vốn ngân sách nhà nước:

Sở quản lý chuyên ngành, chủ trì lập Tờ trình đề xuất sự cần thiết, mục đích, địa điểm, người được giao quản lý, thực hiện dự án, công trình, thời gian thực hiện, dự kiến chi phí, nguồn vốn thực hiện trình ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với các dự án thuộc thẩm quyền đầu tư, quản lý của Thành phố.

Phòng quản lý chuyên ngành thuộc ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì lập Tờ trình đề xuất sự cần thiết, mục đích, địa điểm, người được giao quản lý, thực hiện dự án, công trình, thời gian thực hiện, dự kiến chi phí, nguồn vốn thực hiện trình ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với các dự án thuộc thẩm quyền đầu tư, quản lý của cấp xã.

c) Đối với các dự án sử dụng vốn khác:

Cơ quan, tổ chức đề xuất dự án lập Tờ trình đề xuất sự cần thiết, quy mô, địa điểm, thời gian, dự kiến chủ đầu tư, dự kiến kinh phí và nguồn vốn trình Sở quản lý chuyên ngành xem xét, thẩm định. Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm trình ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

2. Ban hành quyết định thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp:

a) Trên cơ sở tờ trình của Sở quản lý chuyên ngành Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, Quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp. Quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp được thể hiện bằng văn bản gồm các

nội dung: mục đích xây dựng, địa điểm xây dựng, người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình, thời gian xây dựng công trình, dự kiến chi phí, nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan.

b) Trên cơ sở tờ trình của Phòng quản lý chuyên ngành thuộc ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ký ban hành Quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp. Quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp được thể hiện bằng văn bản gồm các nội dung: mục đích xây dựng, địa điểm xây dựng, người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình, thời gian xây dựng công trình, dự kiến chi phí, nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan.

3. Quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp được áp dụng đối với dự án không có cấu phần xây dựng. Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp được áp dụng đối với dự án có cấu phần xây dựng.

Điều 7. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi/ báo cáo kinh tế kỹ thuật

1. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình tự quyết định việc giao tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án/ Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày người quản lý xây dựng công trình khẩn cấp giao tổ chức, cá nhân thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án/ Báo cáo kinh tế kỹ thuật, các bên hoàn thiện các thủ tục sau: Trình, phê duyệt kết quả chỉ định thầu; công khai kết quả chỉ định thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Ký kết hợp đồng với nhà thầu được chỉ định thầu với các nội dung sau: yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.

3. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình tự tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ thiết kế; dự toán công tác chuẩn bị đầu tư...; chủ động thực hiện xin ý kiến các thỏa thuận về quy hoạch, đấu nối hạ tầng kỹ thuật, giao thông, đê điều, môi trường...; chủ động lựa chọn, giao đơn vị tư vấn thẩm tra để tổ chức thẩm tra trước khi trình Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, cơ quan chuyên môn về xây dựng tại cấp xã thẩm định.

4. Khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, hệ thống giám sát thông minh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm an toàn công trình và khả năng ứng phó sự cố, thiên tai, tình huống khẩn cấp.

Điều 8. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi/ báo cáo kinh tế kỹ thuật

1. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình trình Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án/ Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định Pháp luật về đầu tư công và xây dựng.

2. Nội dung thẩm định Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi/ báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đầu tư công khẩn cấp:

a) Thẩm định của cơ quan chuyên môn người quyết định đầu tư
 Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
 với Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp;

Các yếu tố bảo đảm tính khả thi, xác định tổng mức đầu tư xây dựng;
 Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế xây dựng;
 Sự phù hợp của thiết kế công nghệ với các yêu cầu của dự án (đối với dự
 án có thiết kế công nghệ);

Hình thức quản lý dự án;

Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu
 của người quyết định đầu tư;

Riêng đối với Báo cáo kinh tế-kỹ thuật còn phải đánh giá sự đáp ứng yêu cầu
 của thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm
 an toàn công trình lân cận; đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
 theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

b) Thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với quy hoạch được sử dụng làm căn cứ
 lập dự án. Trường hợp hạng mục công trình chưa có quy hoạch, khuyến cáo và đề
 nghị Chủ đầu tư thực hiện cập nhật, bổ sung các hạng mục công trình chưa có quy
 hoạch trong quá trình rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan trong hệ thống
 quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch sau khi hoàn thành xây dựng công trình.

Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực;

Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và việc áp dụng tiêu chuẩn theo quy định
 của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các yếu tố bảo đảm an toàn xây
 dựng của thiết kế xây dựng; đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa
 cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng
 đối với dự án đầu tư công và dự án PPP.

Điều 9. Bố trí, tạm ứng vốn thực hiện dự án

1. Tạm ứng vốn: Cho phép chủ đầu tư dự án triển khai dự án đầu tư khẩn
 cấp, lệnh khẩn cấp được thực hiện tạm ứng hợp đồng tối đa không quá 50% giá
 trị hợp đồng đã ký kết với các nhà thầu. Không điều chỉnh giá với phần đã được
 tạm ứng hợp đồng.

2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư khi thực hiện tạm ứng vốn:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và ủy ban nhân dân các cấp
 về số liệu, cơ sở đề xuất tạm ứng hợp đồng và việc quản lý khoản tạm ứng hợp
 đồng theo đúng quy định pháp luật.

b) Quy định cụ thể tại Hợp đồng về mức tạm ứng, thời điểm tạm ứng và
 việc thu hồi tạm ứng, trong đó mức tạm ứng và số lần tạm ứng hợp đồng xây
 dựng phải được ghi cụ thể trong hợp đồng.

c) Quy định tại hợp đồng về Bảo lãnh tạm ứng, hình thức và thời hạn có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng, cụ thể: (1) Giá trị bảo lãnh tạm ứng phải có giá trị tương đương với khoản tiền tạm ứng; (2) Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng chỉ hết hiệu lực sau khi đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.

d) Chỉ thực hiện tạm ứng hợp đồng sau khi Nhà thầu thực hiện gói thầu thực hiện bảo lãnh tạm ứng theo đúng các quy định của Hợp đồng đã được ký kết.

đ) Quản lý việc nhà thầu phải sử dụng tạm ứng hợp đồng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả. Tuyệt đối nghiêm cấm việc tạm ứng mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích của hợp đồng xây dựng đã ký.

Điều 10. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau dự án được phê duyệt

1. Chủ đầu tư tự quyết định việc giao tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

2. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau dự án được phê duyệt làm cơ sở để hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định.

Điều 11. Tổ chức thi công xây dựng

1. Chủ đầu tư dự án được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; quyết định về trình tự thực hiện khảo sát và thi công xây dựng; quyết định về việc giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng đáp ứng yêu cầu của lệnh xây dựng công trình khẩn cấp. Tổ chức thực hiện đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân và xã hội.

2. Đối với công trình thuộc phạm vi áp dụng của pháp luật về đấu thầu, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người quản lý xây dựng công trình khẩn cấp giao tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc tại khoản 1 Điều này, các bên hoàn thiện các thủ tục sau:

a) Trình, phê duyệt kết quả chỉ định thầu; công khai kết quả chỉ định thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Ký kết hợp đồng với nhà thầu được chỉ định thầu với các nội dung sau: yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.

Điều 12. Tổ chức lập và hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình

Sau khi kết thúc thi công xây dựng công trình khẩn cấp, người được giao xây dựng công trình khẩn cấp có trách nhiệm tổ chức lập và hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình, bao gồm: quyết định thực hiện dự án khẩn cấp hoặc lệnh xây dựng công trình khẩn cấp; các tài liệu khảo sát xây dựng (nếu có); thiết kế điển hình hoặc thiết kế bản vẽ thi công; nhật ký thi công xây dựng công trình, các hình ảnh ghi nhận quá trình thi công xây dựng công trình; các biên bản

thực nghiệm thu; kết quả thí nghiệm, quan trắc, đo đạc (nếu có); hồ sơ quản lý vật liệu xây dựng, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bản vẽ hoàn công; phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa công trình xây dựng vào sử dụng; biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng giữa chủ đầu tư, nhà thầu; các căn cứ, cơ sở để xác định khối lượng công việc hoàn thành; các hồ sơ, văn bản, tài liệu khác có liên quan hoạt động đầu tư dự án, công trình khẩn cấp.

Điều 13. Thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng

1. Việc thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán niên độ), quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn đầu tư công được thực hiện theo quy định của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

2. Đối với các dự án, công trình khẩn cấp sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, việc thanh toán, quyết toán được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2025/TT-BTC ngày 22/5/2025 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- a) Tổ chức thi hành Nghị quyết này;
- b) Thực hiện các quy định tại điểm d, đ khoản 3 và khoản 5 Điều 33 của Luật Thủ đô trong quá trình tổ chức thi hành Nghị quyết này;
- c) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thường xuyên rà soát, đánh giá sự cần thiết, phù hợp của văn bản được ban hành theo quy định của Nghị quyết này với quy định mới của pháp luật và yêu cầu của thực tiễn;
- d) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất đối với các dự án được thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp để kịp thời ngăn chặn, xử lý vi phạm nếu có và có trách nhiệm giải trình khi xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố để tổ chức thi hành Luật Thủ đô;
- e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại Khoản 4 Điều 45 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện nghị quyết này.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án, công trình đã được quyết định thực hiện đầu tư khẩn cấp, ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp và đang triển khai thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện lại các nội dung đã triển khai thực hiện; Các nội dung chưa thực hiện được áp dụng theo cơ chế, thẩm quyền, quy trình quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2026.!

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế tài chính của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, QH-KT, NN&MT, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy,
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ các xã, phường;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà